

Số: 1070/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả chỉ đạo điều hành nhiệm vụ công tác, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2017

Thực hiện văn bản số 1392/UBND-TH ngày 13/5/2017 về chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2017; Văn bản số 1429/UBND-TH ngày 16/5/2017 kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2017 của UBND tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NHIỆM VỤ CÔNG TÁC VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

1. Thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ trọng tâm, của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1. Thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Chương trình công tác chủ yếu năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Đến nay đã hoàn thành dự thảo, báo cáo UBND tỉnh 3/4 nội dung thuộc Chương trình công tác của UBND tỉnh, trong đó có 2 nội dung đã thông qua kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngoài ra Sở đã chủ động xác định các việc trọng tâm của ngành, chỉ đạo và giao 58 việc cho các đơn vị trực thuộc để tổ chức thực hiện; hoàn thiện nghiệm thu, công bố các quy hoạch phát triển lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.

(chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

1.2. Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (tại văn bản số 15/UBND-TH ngày 04/01/2017)

Qua rà soát đến tháng 5/2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 21 nội dung; đã thực hiện hoàn thành 16 nội dung, còn 05 nội dung đang trong kỳ hạn tiếp tục thực hiện, trong đó 01 nội dung xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh triển khai còn chậm; nguyên nhân là do việc tổ chức khảo sát, xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách và các nội dung liên quan tại cơ sở còn chậm. *(chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)*

2. Về sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

Tổng sản lượng lương thực vụ xuân ước đạt 151.490,8 tấn, đạt 100,1% KH, bằng 98,5% so với vụ xuân 2016.

Cây lúa 19.840/19.026ha, đạt 104,3% KH, bằng 99,2% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; năng suất ước đạt 59,2 tạ/ha, đạt 97,2% KH; sản lượng ước đạt 117.463,4 tấn, vượt 1,3% KH; Diện tích cây lúa thu hoạch và giải phóng đất trước 05/6/2017 là 12.000 ha, đây là diện tích bố trí cây trà lúa mùa sớm và trồng cây vụ đông (*đáp ứng gieo trồng đủ 6.750 ha kế hoạch ngô, đậu tương, khoai lang trên ruộng 2 vụ lúa vụ đông*).

Cây ngô 7.640,7 ha/7445, đạt 102,6% kế hoạch, bằng 99,4% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; năng suất ước đạt 44,5 tạ/ha, đạt 93,6 % KH; sản lượng ước đạt 34.027,4 tấn; cây lạc đã trồng 3.232,7ha/3.162 ha đạt 102,2% KH, bằng 100,5% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; Cây đậu tương 204,8 ha đạt 70,6%KH;

Cây mía: Diện tích thực hiện: 10.374 ha, đạt 84,5% KH, trong đó: Trồng mới 845,6 ha, đạt 73,3% KH; Trồng lại 1.371,6 ha, đạt 82,0% KH; lưu gốc 8.157 ha, đạt 86,3 % KH; Cây chè: Diện tích thực hiện 8.859,4 ha, đạt 101,5% KH, sản lượng ước đạt 23.109,6 tấn, đạt 35,3% KH, đạt 102,7% so với cùng kỳ năm 2016;

Cây ăn quả: Diện tích thực hiện 10.798 ha, đạt 126,7% KH. Đã trồng mới cây cam sành được 86 ha (*tại Hàm Yên*).

Đàn trâu: 111.577 con, đạt 96,2% KH (*tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2016*); đàn bò: 31.243 con, đạt 98,4% KH (*tăng 33% so với cùng kỳ năm 2016*); trong đó: Đàn bò sữa là 3.093 con, (*tăng 4% so cùng kỳ năm 2016*); đàn lợn: 551.901 con, đạt 87,4% KH (*giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2016*); đàn gia cầm: 4.906,5 ngàn con, đạt 85% kế hoạch (*tăng 4,7 % so với cùng kỳ năm 2016*); sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm 33.445 tấn, tăng 16,9% so cùng kỳ năm 2016. Sản lượng thủy sản 3.399,8 tấn đạt 45,3%KH, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Dự ước kết quả trồng rừng 6 tháng đầu năm 2017: 10.903 ha đạt 92,9% kế hoạch, trong đó: Trồng rừng tập trung 10.516,2 ha đạt 92,2% KH; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 308.004m³, đạt 36,5%KH, bằng 88,4% so với năm 2016; duy trì độ che phủ của rừng trên 60%.

(Kết quả sản xuất biểu chi tiết 03 kèm theo)

2.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Công tác chỉ đạo sản xuất được triển khai đồng bộ; hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống, tổ chức sản xuất theo khung thời vụ tốt nhất. Phối hợp với các huyện, thành phố rà soát, đánh giá sơ kết sản xuất vụ Đông xuân 2016-2017; triển khai kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ hè thu năm 2017. Vụ Đông Xuân 2016-2017, các cây trồng chính cơ bản đã hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh. Tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên

truyền, nâng cao nhận thức và hành động trong hoạt động xử lý rác thải (*vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật*) gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đảm bảo quản lý và khai thác các công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả.

Tổ chức hội nghị đánh giá hiệu quả hoạt động hệ thống khuyến nông tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác khuyến nông giai đoạn 2017-2020; phối hợp với các ngành, UBND huyện Hàm Yên tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất cam năm 2016 nhiệm vụ giải pháp năm 2017; tham mưu, đề xuất chủ trương thực hiện Quy hoạch đất trồng cam. Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện niên vụ 2017-2018.

* *Chuẩn bị cho sản xuất vụ mùa*: Đã tổ chức 7 lớp tập huấn tại huyện, thành phố cho 350 lượt cán bộ khuyến nông và một số cán bộ đoàn thể của huyện, thành phố, tổ chức 456 lớp tập huấn tại thôn bản cho 21.073 lượt nông dân trong tỉnh; triển khai đăng ký giống, vật tư phục vụ sản xuất vụ mùa năm 2017. Qua làm việc với các đơn vị cung ứng giống trong và ngoài tỉnh, khả năng đáp ứng nguồn giống trong vụ mùa được đảm bảo.

2.2. Về Chăn nuôi, thú y.

Hoàn thiện Quy định chi tiết để thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ (*đã xây dựng dự thảo hướng dẫn liên ngành, đề xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung ứng vật tư phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh gửi các ngành tham gia*).

Tham mưu hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017¹. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi; công tác quản lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. Rà soát, thống kê các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh có diện tích chuồng trại từ 50 m² trở lên làm cơ sở đề xuất giải pháp quản lý môi trường. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; 6 tháng đầu năm tình hình chăn nuôi của tỉnh ổn định, không xảy ra dịch bệnh lớn trên đàn gia súc, gia cầm.

¹Kết quả tiêm phòng vụ xuân hè đến 20/5/2017: Đàn trâu: 109.398 lượt con, trong đó: vắc xin LMLM 40.960 con đạt 47,2%KH; THT 68.438 con đạt 78,8%KH; Đàn bò: 26.703 lượt con, trong đó: vắc xin LMLM 11.194 con đạt 60%KH; THT 15.509 con đạt 77%KH; Đàn lợn: 619.803 lượt con, trong đó: Tiêm vắc xin LMLM cho đàn lợn nái, đực giống: 8.037 con đạt 16% KH; THT 318.642 con đạt 79%KH; dịch tả 293.124 con đạt 72,7%KH; Đàn gia cầm: tiêm vắc xin THT 1.156.270 con đạt 52%KH; Newcatson 1.811.819 con đạt 57%KH; tiêm phòng dại 25.425 con đạt 23,7%KH. Đàn dê tiêm phòng bệnh LMLM: 2.423 con.

2.3. Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản 11.231,5ha, đạt 99,5% KH; sản lượng thủy sản 3.399,8 tấn, đạt 45,3% KH (tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2016). Thực hiện công tác quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục kiểm tra, hướng dẫn phát triển nuôi cá đặc sản bằng lồng; hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, trị bệnh cho cá nuôi trong lồng trên sông Lô và hồ thủy điện; duy trì nuôi thí điểm cá Dầm xanh, Anh vũ ngoài môi trường tự nhiên theo hợp tác công tư (đến nay, cá sinh trưởng và phát triển tốt).

2.4. Về Lâm nghiệp

Chỉ đạo các đơn vị trồng rừng trên địa bàn tỉnh tập trung lực lượng thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp năm 2017². Đôn đốc các công ty lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp. Kết quả: Đã có 03/05 công ty đã hoàn thiện phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình, Yên Sơn, Sơn Dương); còn 02 công ty đang tiếp tục hoàn thiện.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Công tác cảnh báo nguy cơ cháy rừng được thường trực 24/24 giờ trong ngày để phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô. Xây dựng đề án trình UBND tỉnh củng cố các trạm, chốt bảo vệ rừng phù hợp với nhu cầu bảo vệ rừng ở các khu rừng trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao năng lực trong lực lượng kiểm lâm để quản lý bảo vệ có hiệu quả tài nguyên rừng, thực hiện kiểm tra, kiểm soát tại các khu rừng trọng điểm, các tuyến giao thông quan trọng; duy trì hoạt động có hiệu quả các tổ công tác liên ngành từ tỉnh đến cơ sở xử lý nghiêm các trường hợp khai thác, vận chuyển gỗ trái phép; Kết quả đến 30/5/2017 đã kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm 231 vụ (trong đó: Xử lý hành chính 226 vụ, xử lý hình sự 05 vụ), giảm 59 vụ so với cùng kỳ năm 2016.

3. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Phối hợp theo dõi, thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam: Hiện nay 3 giống cam trồng thử nghiệm (Cam sành, cam mật, Valencia) các cây phát triển bình thường;

Vụ Đông Xuân 2017, toàn tỉnh đã thực hiện được 61 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới. Một số mô hình thử nghiệm giống lúa mới như: Giống Kim cương 111, GS55, GS16, Kim Ưu 18 diện tích 30 ha ở Chiêm Hóa, Yên Sơn, LTH 31 tại Sơn Dương, Nam Hương 4 là 29,5 ha tại

² Tiến độ thực hiện đến ngày 30/5/2017, toàn tỉnh trồng rừng tập trung được 9.619,2 ha, đạt 80,8%KH, bằng 99,4% so cùng kỳ năm 2016; sản lượng khai thác 229.987m³, đạt 27,2%KH, bằng 65,3% so cùng kỳ năm 2016.

thành phố Tuyên Quang và Chiêm Hóa, BC 6 là 5 ha tại Hàm Yên, J02 là 39,7 ha tại Hàm Yên; các giống lúa TEJ vàng, GS999, DDL102, Bắc Hương 9 ...; các mô hình trồng thử nghiệm giống ngô NK6101, NK6253, NK6639, LVN17, LVN669, P4554, DTC 6869.

Triển khai thực hiện mô hình “Xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại tỉnh Tuyên Quang năm 2017” quy mô 42 ha/20 hộ tại xã Trung Trục, Xuân Vân huyện Yên Sơn, đã cấp phân bón và đang cấp cây giống cho các hộ tham gia mô hình; phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện mô hình sản xuất chè an toàn nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, quy mô 30 ha tại xã Mỹ Bằng huyện Yên Sơn; mô hình “*cải tạo đàn trâu địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo để nâng cao năng suất, chất lượng*” tại xã Trung Sơn, Đạo Viện Yên Sơn, đã tổ chức cho 5 kỹ thuật viên tham gia đào tạo kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu tại tỉnh Thái Nguyên để thực hiện mô hình.

4. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất:

Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố hướng dẫn các Hợp tác xã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Đến nay, toàn tỉnh có 172 Hợp tác xã (*bao gồm 26 HTX thành lập mới, 136 HTX chuyển đổi và 10 HTX chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012; riêng trong 5 tháng đầu năm 2017 đã thành lập mới 14 HTX*). Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận trang trại; đến nay toàn tỉnh có 596 trang trại³ (*riêng trong 5 tháng cấp mới 33 trang trại*).

Hướng dẫn các hợp tác xã thực hiện các nội dung tiếp cận chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh. Đến nay có HTX Chè Tân Thái 168 giới thiệu quảng bá chè tại Lào; 14 HTX thành lập mới có phương án tổ chức sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; 01 HTX thực hiện tìm kiếm thị trường tại miền Bắc. Tiếp tục thực hiện dự án “Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết với doanh nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm” trên địa bàn xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang”.

5. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Một số sản phẩm chủ lực Cam sành, miến dong, chè, Rượu ngô, Mật ong Tuyên Quang, cá lăng chấm...*)

Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông sản Tuyên Quang tại thành phố Hà Nội; trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa nông nghiệp tại Hội nghị Xúc

³ Chiêm Hoá 70 trang trại, Hàm Yên 165 trang trại, Yên Sơn 161 trang trại, Sơn Dương 198 trang trại, Na Hang 01 trang trại, TP Tuyên Quang 01 trang trại.

tiên đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Tuyên Quang năm 2017; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp và hàng thủ công truyền thống tỉnh Tuyên Quang tại Lễ hội Tràng An, tỉnh Ninh Bình; hỗ trợ 01 HTX tham gia Hội chợ nông sản Hợp tác xã, Liên hiệp HTX và doanh nghiệp lần thứ I, tại thành phố Hà Nội; giới thiệu 03 sản phẩm (*Cá Lãng, tinh bột nghệ Tiến Phát, chè đặc sản Vĩnh Tân*) tham gia bình chọn danh hiệu “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2017”. Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm trâu ngổ Tuyên Quang.

Hoàn thành đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Chè Tân Thái Dương 168, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên và rau an toàn xã Hồng Thái, huyện Na Hang; hoàn thành hồ sơ đánh giá và được cấp chứng nhận nuôi trồng thủy sản tốt Vietgap đối với hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh cá đặc sản Thái Hòa và Công ty TNHH lâm sản và dịch vụ Long Giang sản xuất các loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao. Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Gạo đặc sản xã Minh Hương, huyện Hàm Yên và Măng khô xã Tân Long, huyện Yên Sơn.

Thực hiện Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017, trong 6 tháng đầu năm kiểm tra 46 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (*phát hiện 04 cơ sở vi phạm, xử phạt 11.000.000 đồng*); phối hợp đoàn kiểm tra 389 kiểm tra, giám sát 103 cơ sở, (*phát hiện 24 cơ sở vi phạm đã hoàn thiện hồ sơ xử phạt theo quy định*); kiểm tra 88 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, lấy 39 mẫu thực phẩm kiểm tra chất lượng, kết quả phân tích các mẫu đảm bảo theo quy định; xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 13 cơ sở; thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, xác nhận sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 14 cơ sở; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng và phát sóng 7 phóng sự quảng bá, giới thiệu sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng được xác nhận.

6. Thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, tạo nguồn vốn cho nhiều hộ dân phát triển sản xuất. Đến nay, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 241,2 tỷ đồng (*trong 5 tháng đầu năm 2017 tăng 15.345,0 triệu đồng*) cho 2.739 hộ và 306 trang trại để phát triển sản xuất; Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ gia đình, chủ trang trại được 5.790.94 triệu đồng (*trong đó: Hỗ trợ lãi suất tiền vay 4.793,9 triệu đồng, sản xuất theo VietGAP 897,0 triệu đồng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm 100 triệu đồng*). Dự thảo đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ và phát triển thị trường đối với một số sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh đang xin ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Sở.

Hướng dẫn Hợp tác xã NLN Phúc Sơn và Minh Quang lập, trình hồ sơ xin phê duyệt chủ chương xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lạc giống. Hướng dẫn Công ty cổ phần giống vật tư NLN tỉnh xây dựng Dự án cánh đồng lớn sản xuất giống lúa lai tại Trại sản xuất giống Đồng Thẩm, xã An Khang, thành phố

Tuyên Quang với diện tích 30 ha và tại thôn An Bình, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa với tổng diện tích là 20 ha. Đến nay đã hoàn thành thẩm định phê duyệt chủ trương tổ chức thực hiện 01 dự án.

7. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

Phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố: Hoàn thành công nhận 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016; Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2017-2020 ngành Nông nghiệp và PTNT. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định “*Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020*”; phê duyệt kế hoạch vốn tại 07 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 (*Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 08/5/2017*); chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện Chương trình năm 2017, trong đó tập trung hướng dẫn các xã xây dựng phương án sản xuất có hiệu quả để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập;

Hoàn thiện Đề án kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang; đôn đốc các huyện thành phố thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện, bố trí cán bộ xã chuyên trách về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới⁴.

Tham mưu thực hiện công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; thường xuyên kiểm tra hướng dẫn quản lý, khai thác các công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả; phối hợp với các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đến nay đã thực hiện di chuyển được 67 hộ/90 hộ đạt 74% kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020. Phối hợp với các ngành, UBND huyện, thành phố tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh, kết quả đến ngày 30/5/2017:

+ Về hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương: Kế hoạch năm 2016 đã thi công 39,8km/48,4km đạt 82,3%KH; Kế hoạch năm 2017 đã cung ứng 37,2/182,4km cấu kiện, đạt 20,4% kế hoạch; thi công lắp đặt 6,24/182,4 km, đạt 3,4% kế hoạch; phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố lựa chọn xã làm mẫu để thực hiện Nghị Quyết số 03/2016/ND-HĐND, đến nay đã lựa chọn được 07 mô hình/7 huyện, thành phố.

+ Về bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa: Kế hoạch năm 2016 thi công hoàn thành 69,58/68,61km đạt 101,4%KH; năm 2017 thi công hoàn thành 8,37/88,2km, đạt 9,5% KH.

⁴ Đến nay huyện Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang đã thực hiện.

+ Về xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên: Kế hoạch năm 2016 đã cung ứng cấu kiện và xây dựng 62/114 nhà, đạt 54,4% KH; năm 2017 kế hoạch 130 nhà, đến nay chưa thực hiện cung ứng cấu kiện.

- Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Hoàn thiện kế hoạch chi tiết các hoạt động thuộc Dự án VIE/035 năm 2017, gửi Ban điều phối Dự án TNSP tỉnh và nhóm thực thi Dự án VIE/035 phê duyệt để triển khai thực hiện⁵. Đến nay, đã thực hiện xong 14 hoạt động⁶, đang triển khai thực hiện 04 hoạt động⁷ và đang chuẩn bị mọi điều kiện để triển khai thực hiện 03 hoạt động⁸. Các hoạt động đều đã triển khai thực hiện cơ bản đáp ứng về tiến độ và chất lượng theo yêu cầu.

8. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết công việc theo cơ chế “Một cửa”: Đến 30/5/2017, đã tiếp nhận và chuyển cho các đơn vị giải quyết: **1.162 hồ sơ**, trong đó số hồ sơ đã giải quyết: 1.144 hồ sơ, số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 15 hồ sơ, hồ sơ trả lại 03 hồ sơ (do không đủ điều kiện). Thường xuyên cập nhật đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã sớm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh để tổ chức thực hiện. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo được

⁵ Năm 2017, Sở Nông nghiệp và các đơn vị thuộc Sở Có 21 dòng ngân sách. Đến nay, toàn bộ các dòng ngân sách đã được phê duyệt kế hoạch chi tiết.

⁶ Gồm: (1) Tập huấn về kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian; (2) Tập huấn về Giải quyết vấn đề và xử lý mâu thuẫn; (3) Hội thảo cung cấp liên kết thị trường cho THT/HTX chăn nuôi; (4) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải của cơ sở chế biến tinh bột dong riềng; (5) Tập huấn kiến thức ATTP cho chuỗi cung ứng sản phẩm nông, lâm thủy sản; (6) Lựa chọn những THT/HTX cấp chứng chỉ FSC; (7) Chuẩn bị tài liệu cho cấp chứng chỉ FSC; (8) Tập huấn về quản lý rừng bền vững; (9) Tổ chức họp thôn, tuyên truyền và thông qua quy chế của nhóm hộ trồng rừng về cấp chứng chỉ rừng; (10) Thu thập thông tin về hiện trạng công tác quản lý rừng bền vững; (11) Điều tra, viết các báo cáo phục vụ cấp chứng chỉ rừng; (12) tập huấn về kỹ thuật sản xuất chè theo VietGAP; (13) Tập huấn kỹ thuật chế biến và bảo quản chè; (14) Hội thảo xây dựng mô hình nuôi cá đặc sản và hợp đồng trang trại.

⁷ Gồm: (1) Biên soạn và in tài liệu về kỹ thuật sản xuất và chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp; (2) Ứng dụng công nghệ vi sinh trong chăn nuôi bằng phương pháp ủ men trong chăn nuôi lợn; (3) Sản xuất phân bón hữu cơ từ bã thải dong riềng; (4) Kiểm tra, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm, nông sản trên địa bàn tỉnh.

⁸ Gồm: (1) Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp Tuyên Quang tại Hà Nội; (2) Xây dựng Clip Quảng bá chuỗi cá đặc sản; (3) Tập huấn kỹ thuật sản xuất Cam theo VietGAP cho các THT.

thực hiện đồng bộ chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện tốt công tác đảm bảo sản xuất; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục được tăng cường; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện hiệu quả, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt cao hơn so với cùng kỳ năm 2016. Tuy nhiên vẫn còn khó khăn, hạn chế sau:

- Giá lợn hơi trên thị trường xuống thấp, người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.

- Tiến độ trồng mới, trồng lại cây mía chậm và có khả năng không đạt kế hoạch (*trồng mới 845,6 ha, đạt 73,3% KH, trồng lại 1.371 ha, đạt 82,0% KH*). Nguyên nhân chủ yếu là do sự phối hợp giữa Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương với Ban chỉ đạo cấp huyện, xã trong việc tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ, tiến độ thu mua mía nguyên liệu vụ ép năm 2016-2017 chậm, kéo dài; chính sách hỗ trợ giá thu mua mía ban hành chậm; thu nhập từ trồng mía chưa thật sự thu hút người dân đầu tư. Một số loại cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên nhiều hộ trồng mía chuyển đổi từ cây mía sang trồng cây ăn quả. Việc đầu tư thâm canh, chăm sóc chưa đảm bảo quy trình kỹ thuật. Việc cải tạo, thay thế những giống bị thoái hóa, có năng suất, chất lượng thấp còn chậm.

- Tiến độ tiêm phòng đạt thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do các hộ chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ có tư tưởng chủ quan trong việc phòng chống dịch bệnh, trông chờ, ỷ lại vào việc hỗ trợ vắc xin tiêm phòng của nhà nước;

- Tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý thực hiện còn chậm so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Việc rà soát lập phương án sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, lập bản đồ theo Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp nhiều khó khăn, do hiện tại các Công ty đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình rà soát để lập phương án sử dụng đất thì hiện trạng và diện tích trên bản đồ giao đất có sự sai khác so với hiện trạng thực tế nên mất nhiều thời gian để chỉnh lý. Diện tích rừng trồng của các công ty lớn, việc kiểm kê đánh giá tài sản rừng trồng phức tạp, đối với rừng trồng có trữ lượng phải thực hiện điều tra, đo đếm để tính toán sản lượng gỗ. Việc giải quyết diện tích bị lấn, bị chiếm gặp nhiều khó khăn (*Những diện tích các công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên hiện tại các hộ gia đình đang canh tác*).

- Sản lượng khai thác gỗ rừng đạt thấp so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân: Do giá cả và cơ chế thu mua của Nhà máy giấy An Hòa chưa hợp lý, nên không khuyến khích được việc khai thác và thu mua gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, Nhà máy giấy An Hòa đã cam kết thực hiện điều chỉnh cơ chế thu mua là mua trực tiếp từ người trồng rừng và thanh toán ngay cho người bán.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC, TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện 04 việc trọng tâm tình giao và 58 việc trọng tâm các đơn vị năm 2017; thực hiện theo Thông báo số 443-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra. Trong đó tập trung hoàn thành các việc: (1)-Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020; (2)- Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đến năm 2020; (3)- phương án chuyển đổi sắp xếp các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Chiêm hóa, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương; (4)- Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách: Phát triển sản xuất hàng hóa, kinh tế trang trại, khuyến khích phát triển hợp tác xã nông lâm nghiệp-thủy sản; thu hút thực hiện các Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; bảo vệ và phát triển rừng; hỗ trợ xây dựng kênh mương, đường nội đồng, nhà văn hóa và xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang;

Chủ động các phương án và điều kiện đảm bảo cho phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ di chuyển các hộ dân ở vùng nguy hiểm do thiên tai, vùng rừng đặc dụng, phòng hộ xung yếu đến nơi an toàn.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các huyện, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo hết năm 2017 có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Khuôn Hà, Hòa Phú, Thái Hòa, Trung Môn, Đại Phú, Kim Phú, Hồng Lạc*).

2. Về sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Các chỉ tiêu sản xuất

- *Trồng trọt*: Vụ mùa, vụ hè thu: Diện tích cây lúa 25.167 ha, sản lượng 148.122 tấn; diện tích trồng ngô 3.830 ha, sản lượng 17.914 tấn; diện tích trồng lạc 1.039 ha; diện tích trồng đậu tương 500 ha.

Vụ đông: Diện tích trồng ngô 4.200 ha, sản lượng 19.224 tấn; diện tích trồng đậu tương 150 ha; diện tích trồng khoai lang 2.400 ha.

- *Trồng rừng*: Trồng rừng tập trung 883 ha rừng; khai thác gỗ rừng trồng 536.196 m³.

2.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện

2.2.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Tiếp tục bám sát Khung kế hoạch sản xuất cây trồng chính để điều hành sản xuất; chủ động kiểm tra, đánh giá các điều kiện sản xuất ngay từ đầu vụ để chủ động tổ chức sản xuất hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2017, trong đó chú trọng các giải pháp:

- Tổ chức thu hoạch, làm đất đáp ứng khung thời vụ, lịch gieo trồng. Xây dựng phương án sản xuất, chuẩn bị giống dự phòng đối với diện tích có khả năng bị ngập lụt, để chủ động khắc phục thiệt hại khi có bão, lũ xảy ra.

- Tăng cường kiểm tra giám sát đồng ruộng, dự tính, dự báo chính xác tình hình sâu bệnh hại cây trồng và hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả không để sâu bệnh phát sinh thành dịch.

- Chủ động các phương án và điều kiện đảm bảo cho phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai. Tiếp tục thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, quản lý khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi. Không để xảy ra thiếu nước tưới lúa vụ mùa năm 2017.

- Hệ thống khuyến nông tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất; tăng cường phổ biến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật trong sản xuất; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả.

2.2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

- Tiếp tục tham mưu thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, chính sách hỗ trợ vắc xin và công tiêm phòng cho đàn gia súc trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Phối hợp UBND các huyện, thành phố chỉ đạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh đàn vật nuôi và nuôi trồng thủy sản; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các cơ sở kinh doanh, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm; các cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh nâng cao tỷ lệ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả.

2.3.3. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chỉ tiêu trồng rừng, khai thác rừng trồng năm 2017; kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng và thực hiện quy chế quản lý khai thác gỗ rừng trồng; hướng dẫn, đôn đốc các công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên lâm nghiệp tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp;

Chỉ đạo tổ chức tốt lực lượng trong quản lý bảo vệ rừng để tăng cường tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các điểm nóng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, không để xảy ra "điểm nóng" về khai thác rừng trái phép; giám sát, quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ trên địa bàn theo đúng quy định; chủ động lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng. Kiểm tra việc thực hiện Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Tiếp tục giữ vững thương hiệu của các sản phẩm đã có, xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm; kết nối đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh vào tiêu thụ tại thị trường các thành phố lớn; Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn mở rộng quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đối với các sản phẩm chủ lực. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội tổ chức quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tăng cường, tổ chức thực hiện có hiệu quả những đợt cao điểm về thanh tra, kiểm tra chất lượng giống, vật tư và vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường thực hiện kiểm tra chất lượng giống, vật tư trước, trong thời vụ sản xuất vụ mùa, vụ đông, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn; đảm bảo chất lượng giống, vật tư cung ứng cho sản xuất được kiểm tra theo Khung thời vụ.

4. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:* Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch năm 2017. Tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án; đẩy nhanh tiến độ thi công Kênh Parabol thành mòng đúc sẵn để hoàn thành khối lượng và giải ngân 100% vốn kế hoạch giao năm 2017.

- Về thực hiện dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn: Tiếp tục xây dựng các kế hoạch chi tiết và triển khai các hoạt động thuộc Dự án VIE/035 năm 2017 theo kế hoạch phê duyệt.

5. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh

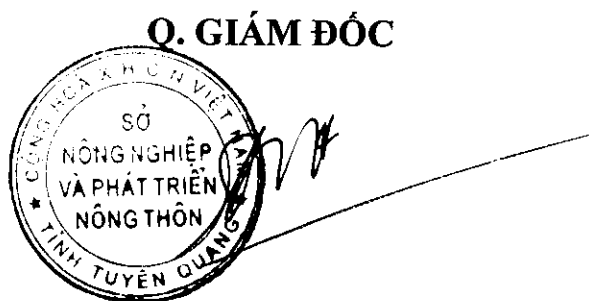
Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Sở. Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”. Tiếp tục áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *Đm*

- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh: (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo Sở
- Trang thông tin điện tử sở
- Lưu: VT; KH-TC.



Nguyễn Công Nông

NHIỆM VỤ TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CHỦ YẾU CỦA UBND TỈNH NĂM 2017*(Kèm theo Báo cáo số 1070 /BC-SNN ngày 31 /5/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Thời gian thực hiện					Tiến độ thực hiện đến nay
			Báo cáo Sở	Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	Trong đó nội dung trình xin ý kiến		
						Thường trực Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy	
1	Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 3	Tháng 4				Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, theo kết luận tại cuộc họp UBND tỉnh tháng 5/2017.
2	Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao đến năm 2020.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Đã thông qua kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
3	Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Chiêm Hóa, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Sở đã ban hành các Văn bản đơn đốc thực hiện sắp xếp, đổi mới các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý. Ngày 13/3/2017, tổ chức họp Ban sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp; Thông báo kết luận cuộc họp về sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý. Đến nay 4/4 công ty chưa được UBND tỉnh phê duyệt Phương án sử dụng đất, chưa hoàn thành xác định giá trị tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 09/5/2017, UBND tỉnh đã tổ chức họp nghe về tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Dự kiến thời gian hoàn thành Phương án chuyển đổi các công ty, trình UBND tỉnh trong tháng 8/2017.
4	Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiêu tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Chi cục Thủy lợi	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Đã thông qua kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Biểu số 02:**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO (Thời điểm báo cáo: tháng 5/2017)***Kèm theo báo cáo số 1070 /BC-SNN ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT*

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
1	Số 101/KH-UBND	Ngày 26/12/2016	Về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Kiểm soát chặt chẽ hoạt động cung ứng giống, vật nuôi trên địa bàn(theo nội dung văn bản số 2832/SNN-KH ngày 31/12/2016 của Sở NN và PTNT về thực hiện kế hoạch số 101/KH-UBND	05/12 hàng năm				x		Đang thực hiện
2	Số 204/UBND-TH	25/1/2017	Về thực hiện kế hoạch ngân sách năm 2017 của Dự án VIE/035	Xây dựng kế hoạch	Trước 28/2/2017	x		Hoàn thành 02 kế hoạch chi tiết, gửi Dự án VIE và TNSP			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
3	Kế hoạch số 104/KH-UBND	30/12/2016	Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng NMT tỉnh Tuyên Quang năm 2017	Ban hành quy định về một số chỉ tiêu, tiêu chí xã NMT tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020	Quý I/2017	x		- Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành “Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020”.			
				Kế hoạch, nhu cầu vốn để thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM đối với 07 xã mục tiêu đạt chuẩn năm 2017	Quý I/2017	x	Tờ trình số 476/TTr-SNN của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch, nhu cầu vốn tại 07 xã - Căn cứ nội dung Kết luận Hội đồng trực Tỉnh ủy ngày 17/4/2017. Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, hoàn thiện và ban hành Tờ trình số 745/TTr-SNN ngày 18/4/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch, nhu cầu vốn tại 07 xã đăng ký hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2017.				

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
4	3065/UBND-NLN	02/11/2016	V/v thực hiện Thông báo số 288-TB/TU ngày 06/10/2016 của Tỉnh ủy Tuyên Quang	Nghiên cứu tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản	30/11/2016		Văn bản số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016 v/v báo cáo, đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm				UBND tỉnh giao tiếp tục tham mưu, đề xuất chính sách tại văn bản số 31/UBND-NLN ngày 06/01/2017
	31/UBND-NLN	06/01/2017	Về đề nghị của Sở NN&PTNT tại văn bản số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016	Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản					Đã tổ chức điều tra, khảo sát các tổ chức, cá nhân SXKD NLTS đang xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách và các nội dung liên quan.		

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
5				Xây dựng Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 235/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/01/2017		x		Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/3/2017 Kế hoạch năm cao điểm hành động vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017			
6	12/TB-UBND	20/02/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 01,02 năm 2017	Hoàn chỉnh Dự thảo Quyết định " Một số tiêu chí , tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020"	22/02/2017	x		Đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh			
7	208/UBND-NLN	03/02/2017	Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính Phủ tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành NN và PTNT	Triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 16/TB-VPCP ngày 13/01/2017		x		Đã triển khai các nội dung trong chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện năm 2017 (văn bản số 199/KH-SNN ngày 09/02/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
8	404/UBND-NLN	21/02/2017	Về thực hiện văn bản số 935/BNN-TCLN Ngày 25/01/2017 của Bộ Nông	Triển khai chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp năm 2017		x		Đã xây dựng Kế hoạch trình UBND tỉnh			
9	425/UBND-NLN	22/02/2017	Về đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa	Chủ trì, phối hợp với các sở liên quan xem xét đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa tại văn bản số 07/AHP-NLG ngày 10/01/2017	Trước ngày 28/2/2017	x		Đã tổ chức cuộc họp với các ngành liên quan và tổng hợp báo cáo số 385/SNN-CCKL ngày 2/3/2017 trình UBND tỉnh theo quy định			
10	344/UBND-NLN	16/03/2017	Về việc các Thông tư của Bộ tài chính	Đề xuất UBND tỉnh thực hiện giá dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT				Đang thực hiện	x		
11	854/UBND-NLN	31/3/2017	V/v kiểm tra, xử lý thông tin đăng trên báo điện tử	Phối hợp kiểm tra, làm rõ các nội dung do Báo Môi trường và Cuộc sống điện tử đưa tin; báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh	04/05/2017	X		Báo cáo số 660/BC-SNN ngày 04/4/2017			
12	219/QDD-UBND	21/03/2017	Cử cán bộ công tác tại Xiêng Khoảng....	Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án trồng thử nghiệm một số giống chè mới có năng suất cao tại tỉnh Xiêng		x		Báo cáo số 01/BC-SNN ngày 7/4/2017, Báo cáo kết quả làm việc đoàn công tác tại Xiêng Khoảng			
				Lựa chọn xã làm mẫu thực hiện NQ 03/2016/NQ-HĐND;		X		Đến nay đã lựa chọn được 08 mô hình thuộc 07 huyện, thành phố			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
13	20/TB-UBND	23/03/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 03 năm 2017	Xây dựng kế hoạch hội chợ cam sành Hàm Yên năm 2017;					x		Đang tổ chức thực hiện
				Thực hiện phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp;					Sở đã tổ chức họp bàn sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp và văn bản số 669/SNN-CCKL ngày 7/4/2017.		
				Thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ trồng rừng; Tăng cường công tác QLBV rừng trồng; Thực hiện các giải pháp nâng cao năng xuất, chất lượng mía; tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện DA thuộc lĩnh vực nông nghiệp		x		Văn bản số 765/SNN-CCKL ngày 20/4/2017 về việc đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, khai thác rừng trồng năm 2017		Đang tiếp tục triển khai tổ chức thực hiện	

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
14	Số 796/UBND-NLN	Ngày 28/3/2017	Về việc thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía niên vụ 2016-2017	Phối hợp với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và UBND các huyện, thành phố thực hiện nội dung chi đạo của UBND tỉnh tại văn bản này	Không quy định	x		- Đã Ban hành Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch mía. - Đơn đốc, phối hợp với Công ty CP mía đường Sơn Dương xây dựng kế hoạch xin ý kiến UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017-nhiệm vụ, giải pháp			
15	949/UBND-NLN	04/10/2017	Về thực hiện thông báo số 179/TB-VPCP ngày 4/4/2017 của Văn phòng Chính phủ	Báo cáo về công tác triển khai thực hiện Thông báo số 197/TB-VPCP ngày 04/4/2017 của Văn phòng Chính phủ và về tình hình sử dụng, phân bổ vốn; kiện toàn đầu mối báo cáo		x		Báo cáo số 766/BC-SNN ngày 20/4/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT			
16	1186/UBND-NLN	26/4/2017	v/v xây dựng phương án trồng cây xanh hành lang đường giao thông	Hướng dẫn UBND các huyện thành phố lập phương án trồng cây xanh hành lang ven lộ					Đang liên hệ trực tiếp để hướng dẫn UBND huyện Lâm Bình		

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
17	26/KH-UBND	Ngày 10/4/2017		Xây dựng Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV	Tháng 5	x		Đã hoàn thiện dự thảo Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV, trình UBND tỉnh			
18	03/2017/QĐ-UBND	10/4/2017, có hiệu lực 20/4/2017	Quyết định quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai	Tham mưu triển khai một số nội dung quy định tại khoản 1 điều 3 Quyết định 03/2017/QĐ-UBND	Không quy định	x		Tờ trình số 802/TTr-SNN ngày 24/4/2017, (kèm theo Dự thảo Đề án thực hiện QĐ 03/2017/QĐ-UBND)			Tiếp tục thực hiện
			V/v Tăng cường công tác tuyên truyền xử lý rác thải và xác gia súc, gia cầm trong chăn nuôi	Hướng dẫn chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường		x		Văn bản số 962/SNN-CNTY ngày 16/5/2017 về việc xin ý kiến góp ý Dự thảo hướng dẫn thực hiện Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh			
19	1077/UBND-NLN	19/04/2017	V/v Tăng cường công tác tuyên truyền xử lý rác thải và xác gia súc, gia cầm trong chăn nuôi	Hướng dẫn chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường		x		Văn bản số 675/SNN-CNTY tăng cường công tác quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Nội dung văn bản	Nhiệm vụ được giao	Hạn xử lý	Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		Ghi chú
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
20	26/KH-UBND	10/04/2017	V/v kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm	Hướng dẫn, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho khu chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, khu giết mổ chế biến tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, ATTP.		x		Văn bản số 112/CNTY-QLG ngày 8/5/2017 về việc triển khai thực hiện kế hoạch số 26/KHG-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh			Tiếp tục thực hiện
21	1307/UBND-NLN	09/05/2017	V/v Một số giải pháp ổn định phát triển chăn nuôi và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thịt lợn	Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp kỹ thuật về giống, TẮCN, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng để phát triển chăn nuôi gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm...		x		Văn bản số 906/SNN-CNTY ngày 9/5/2017			Tiếp tục thực hiện

ƯỚC KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

(Kèm theo báo cáo số 1070 /BC-SNN ngày 31 /5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số T T	Chi tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Năm 2017										So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện đến 30/5/2017	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2017										
						Tổng số	Chi tiết từng huyện, thành phố									
							Sơn Dương	Yên Sơn	TP. T.Q	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình	So với KH 2017	So với cùng kỳ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=7/5	16=7/4	
A	SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC		153.871	151.367		151.490,8	5.174	4.713	1.009	3.289	3.952	693	1.010	100,1	98,5	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	119.740	115.915		117.463,4	30.999,2	28.437,5	5.921,5	19.418,0	23.394,6	3.689,2	5.603,4	101,3	98,1	
	+ Ngô	Tấn	34.131	35.452		34.027,4	7.452,0	6.879,0	2.121,0	5.662,8	5.063,2	4.553,6	2.295,8	96,0	99,7	
B	SẢN XUẤT NLN, THỦY SẢN															
I	TRỒNG TRỌT															
1	Cây hàng năm															
1.1	Lúa Vụ xuân: Diện tích	ha	19.994	19.026	19.840	19.840	5.174	4.713	1.009	3.289	3.952	693	1.010	104,3	99,2	
	Năng suất	tạ/ha	59,9	60,9		59,2	59,9	60,3	58,7	59,0	59,2	53,3	55,5	97,2	98,9	
	Sản lượng	tấn	119.740	115.915		117.463,4	30.999,2	28.437,5	5.921,5	19.418,0	23.394,6	3.689,2	5.603,4	101,3	98,1	
	Trong đó: + Lúa lai	ha	10.803	11.930	10.662,3	10.662,3	2.820,0	3.206,0	353,0	1.347,0	2.504,6	87,5	344,2	89,4	98,7	
	Năng suất	tạ/ha	63,5	64,1		438,0	65,1	63,6	65,7	62,7	61,4	60,0	59,5	683,3	690,0	
	Sản lượng	tấn	68.581	76.530		67.464,5	18.358,2	20.390,2	2.319,2	8.445,7	15.378,2	525,0	2.048,0	88,2	98,4	
	+ Lúa thuần	ha	9.191	7.096	9.177,2	9.177,2	2.354,0	1.507,0	656,4	1.942,0	1.447,0	605,0	665,8	129,3	99,9	
	Năng suất	tạ/ha	55,66	55,5		379,6	53,7	53,4	54,9	56,5	55,4	52,3	53,4	683,9	681,9	
	Sản lượng	tấn	51.158	39.385		49.998,9	12.641,0	8.047,4	3.602,3	10.972,3	8.016,4	3.164,2	3.555,4	126,9	97,7	
	Diện tích lúa chất lượng	ha			1.534,5	1.534,5	349,3	533,1	207,3	202,3	144,6	16,8	81,1			
1.2	Ngô vụ xuân: Diện tích	ha	7.687	7.445	7.640,7	7.640,7	1.656,0	1.521,9	422,5	1.144,0	1.183,0	1.167,6	545,7	102,6	99,4	
	Năng suất	tạ/ha	44,4	47,6		44,5	45,0	45,2	50,2	49,5	42,8	39,0	42,1	93,6	100,3	
	Sản lượng	tấn	34.131,0	35.452		34.027,4	7.452,0	6.879,0	2.121,0	5.662,8	5.063,2	4.553,6	2.295,8	96,0	99,7	
	<i>Trong đó: trên ruộng 1 vụ</i>	ha	<i>2.124,0</i>	<i>2.679</i>		<i>2.367,7</i>	<i>566,8</i>	<i>485,9</i>	<i>80,0</i>	<i>248,0</i>	<i>322,7</i>	<i>432,3</i>	<i>232,0</i>	88,4	111,5	
1.3	Cây đậu tương: Diện tích	ha	239,4	290	204,8	204,8	31,0	106,1	0,8	35,8	30,3	0,8		70,6	85,5	

Số T T	Chỉ tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH H	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Năm 2017										So sánh (%)		
				Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện đến 30/5/201 7	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2017										
						Tổng số	Chi tiết từng huyện, thành phố									
							Sơn Dương	Yên Sơn	TP. T.Q	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình	So với KH 2017	So với cùng kỳ	
	Năng suất	tạ/ha	18,3			17,9	18,9	17,7	16,7	19,0	16,5	18,7			97,9	
	Sản lượng	tấn	438,5			367,2	58,6	187,8	1,3	68,0	50,0	1,5			83,7	
	<i>Trong đó: Trên ruộng 1 vụ</i>	<i>ha</i>	<i>114,0</i>	<i>194</i>	<i>124,6</i>	<i>124,6</i>	<i>31,0</i>	<i>71,6</i>		<i>8,8</i>	<i>13,2</i>			<i>64,2</i>	<i>109,3</i>	
1.4	Cây lạc: Diện tích	<i>ha</i>	3.216	3.162	3.232,7	3.232,7	457,3	171,0	37,2	221,2	1.940,3	32,0	373,7	102,2	100,5	
	Năng suất	tạ/ha	27			28,3	21,7	18,3	19,1	20,5	32,4	18,5	26,4		103,2	
	Sản lượng	tấn	8.834			9.161,2	991,4	312,9	71,1	453,5	6.286,6	59,2	986,6		103,7	
	<i>Trong đó: Trên ruộng 1 vụ</i>	<i>ha</i>	<i>1.856</i>	<i>1.970</i>		<i>1.862,1</i>	<i>315,0</i>	<i>130,5</i>	<i>26,0</i>	<i>64,0</i>	<i>1.131,0</i>	<i>18,6</i>	<i>177,0</i>	<i>94,5</i>	<i>100,3</i>	
1.5	Khoai lang: Diện tích	<i>ha</i>	386,2	450	406,9	426,7	110,5	165,0	16,8	17,5	47,2	40,7	29,0	94,8	110,5	
	Năng suất	tạ/ha	56,8			59,5	65,5	65,5	66,3	56,0	39,4	47,5	50,1		104,8	
	Sản lượng	tấn	2.192,4			2.538,6	723,8	1.080,8	111,4	98,0	186,0	193,3	145,4		115,8	
	<i>Trong đó: Trên ruộng 1 vụ</i>	<i>ha</i>	<i>152,4</i>	<i>365</i>		<i>199,1</i>	<i>86,0</i>	<i>82,7</i>			<i>1,4</i>		<i>29,0</i>	<i>54,5</i>	<i>130,6</i>	
2	Cây công nghiệp															
2.1	Cây mía	<i>ha</i>	11.147	12.283,3	10.329,0	10.374,3	3.674,1	1.742,7	204,5	970,5	3.580,5	108,5	93,5	84,5	93,1	
	- Diện tích trồng mới trong năm	<i>ha</i>	972,8	1.153	840	845,6	314,0	150,2	17,7	124,5	216,9	7,3	15,0	73,3	86,9	
	- Diện tích trồng lại trong năm	<i>ha</i>	1.153,6	1.673	1.332	1.371,6	523,0	201,5	49,4	96,1	488,1	2,4	11,1	82,0	118,9	
	- Diện tích lưu gốc		9.021	9.457,3	8.157	8.157,1	2.837,1	1.391,0	137,4	749,9	2.875,5	98,8	67,4	86,3	90,4	
2.2	Cây chè															
	* Diện tích chè tổng số	<i>ha</i>	8.738,7	8.726,0	8.859,4	8.859,4	1.575,7	2.983,0	413,9	2.213,7	64,0	1.360,1	249,1	101,5	101,4	
	- Diện tích chè trồng mới	<i>ha</i>	7,6	59,0												
	- Diện tích chè trồng lại	<i>ha</i>	20,0	105,0	19,0	19,0		19,0						18,1	95,0	
	- Diện tích chè kiến thiết cơ bản	<i>ha</i>	475,0	352,0	531,6	531,6	45,2	124,8		190,0	12,1	43,2	116,4	151,0	111,9	
	- Diện tích chè cho sản phẩm	<i>ha</i>	8.236,1	8.210,0	8.308,8	8.308,8	1.530,5	2.839,2	413,9	2.023,7	51,9	1.317,0	132,7	101,2	100,9	
	Năng suất	tạ/ha		80,0												
	Sản lượng (búp tươi)	tấn	22.491	65.559	19.667,0	23.109,6	5.386,1	9.250,8	1.315,2	5.780,1	55,5	1.099,6	222,3	35,3	102,7	
3	Cây ăn quả chủ yếu	<i>ha</i>	7.973,6	8.520	10.798	10.798	646	1.823	160	7.349	742	30	48	126,7	135,4	

Số T T	Chi tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Năm 2017										So sánh (%)				
				Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện đến 30/5/201 7	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2017												
						Tổng số	Chi tiết từng huyện, thành phố										So với KH 2017	So với cùng kỳ
							Sơn Dương	Yên Sơn	TP. T.Q	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
a	Cây cam	ha	5.539,8	6.096	7.816,8	7.816,8	0,6	166,0	33,4	7.028,8	555,5	16,0	16,5	128,2	141,1			
	Trong đó: Trồng mới		69,1		86,0	86,0				86,0					124,5			
b	Cây quýt	ha	96,4	95	120,5	120,5		32,4	0,7	68,4	7,8	1,8	9,3	126,8	124,9			
c	Cây nhãn	ha	1.085,2	1.035	1.006,5	1.006,5	465,0	368,4	42,9	33,2	83,8	5,4	7,8	97,2	92,7			
d	Cây vải	ha	565,6	525	491,4	491,4	168,0	186,6	12,9	75,8	33,9	4,6	9,7	93,6	86,9			
e	Cây bưởi	ha	686,6	759	1.362,6	1.362,6	12,5	1.069,8	70	143,1	61,0	1,8	4,4	179,5	198,5			
II	CHĂN NUÔI																	
1	Tổng đàn gia súc, gia cầm																	
	Đàn trâu	con	109.973	115.996	111.577	111.577	20.898	18.968	2.660	15.203	29.583	14.948	9.317	96,2	101,5			
	Đàn bò	con	23.458	31.752	31.243	31.243	11.544	8.598	1.350	3.117	1.501	3.532	1.601	98,4	133,2			
	Tổng đàn bò sữa	con	2.970	3.212	3.093	3.093	1.031	2.062						96,3	104,1			
	Đàn lợn	con	555.372	631.477	551.901	551.901	159.357	123.708	23.081	71.246	116.227	34.231	24.051	87,4	99,4			
	Gia cầm	1.000 con	4.688	5.768,00	4.906,5	4.906,5	1.196	1.403	270	743	997	202	95	85,1	104,7			
2	Sản lượng thịt hơi các loại	tấn	28.608		33.000	33.445	11.116	5.394	1.681	6.511	5.856	2.091	796		116,9			
3	Sản lượng sữa tươi	tấn	5.936	14.000,00	8.293	8.838	3.048	5.790						63,1	148,9			
III	THỦY SẢN																	
1	Diện tích nuôi thả cá	ha	11.212	11.288	11.232	11.232	819,0	603,0	178,6	555,3	946,3	4.560,0	3.569,3	99,5	100,2			
	Trong đó: Diện tích nuôi thả trên hồ thủy điện Tuyên Quang	ha	8.447	8.447	8.447	8.447					446,5	4.500,0	3.500,0					
	Số lồng nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao	ha	343			454,0	30,0	30,0	61,0	120,0	85,0	96,0	32,0					
2	Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	tấn	3.249,9	7.497,5	3.070,7	3.399,8	753,9	719,6	359,7	648,3	400,6	304,6	213,1	45,3	104,6			
	- Sản lượng nuôi trồng thủy sản	tấn	2.941	6.776	2.788,7	3.086,4	738,1	719,6	353,7	642,4	375,3	179,9	77,4	45,6	104,9			
	- Sản lượng khai thác	tấn	309	722	282,0	313,4	15,8		6,0	5,9	25,3	124,7	135,7	43,4	101,4			

Số T T	Chỉ tiêu	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Năm 2017										So sánh (%)			
				Kế hoạch năm 2017	Kết quả thực hiện đến 30/5/201 7	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2017											
						Tổng số	Chi tiết từng huyện, thành phố										
							Sơn Dương	Yên Sơn	TP. T.Q	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình	So với KH 2017	So với cùng kỳ		
	Sản lượng cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao	tấn	30		60,0	69,7	2,0	1,5	3,2	4,6	7,5	49,6	1,3		230,0		
IV	LÂM NGHIỆP																
1	Sản xuất cây giống	1000 cây	16.136,0	19.218	15.161	15.714	3.386	2.875	3.499	2.821	2.722	410		82	97,4		
2	Trồng rừng	ha	9.683,3	11.750	9.619,2	10.903,1	2.025,0	3.213,7	85,7	2.041,5	2.330,2	535,5	671,5	92,8	112,6		
a	Trồng rừng tập trung	ha	9.283,5	11.400	9.232,9	10.516,2	2.000,0	3.133,2	82,6	1.970,2	2.244,7	485,5	600,0	92,2	113,3		
	- Rừng sản xuất	ha	9.055,7	11.150	9.144,5	10.287,8	2.000	3.045	83	1.970	2.245	446	500	92,3	113,6		
	T đó: + Doanh nghiệp	ha	1.659,7	2.340	1.227,1	1.450,7	250,0	195,0	30,0	625,7	350,0			62,0	87,4		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	7.396,0	8.810	7.917,4	8.837,1	1.750,0	2.849,8	52,6	1.344,5	1.894,7	445,5	500,0	100,3	119,5		
	- Rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	227,9	250	88,4	228,4		88,4				40,0	100,0	91,4	100,2		
b	Trồng cây phân tán (quy diện tích)	ha	399,8	350	386,3	386,9	25,0	80,5	3,1	71,3	85,5	50,0	71,5	110,5	96,8		
3	Bảo vệ rừng	ha	417.041	417.204	424.557,6	424.557,6	42.535,9	78.529,7	3.939,7	62.435,8	99.303,2	71.527,6	66.285,7	204,0	204,1		
	- Bảo vệ rừng tự nhiên	ha	233.273	233.273	233.273,4	233.273,4	12.940,4	19.401,1	706,4	19.131,4	62.691,9	59.521,4	58.880,8	100,0	100,0		
	- Bảo vệ rừng trồng	ha	183.768	183.931	191.284,2	191.284,2	29.595,5	59.128,6	3.233,3	43.304,4	36.611,3	12.006,2	7.404,9	104,0	104,1		
4	Khai thác																
	Diện tích khai thác gỗ rừng trồng	ha	2.703,4	9.750	2.287,9	3.000,0	658,5	822,5	74,0	709,0	577,0	87,0	72,0	30,8	111,0		
a	Sản lượng khai thác	m3	351.726,8	844.200	229.987,0	308.004	43.000,0	90.770,0	7.900,0	98.823,5	53.000,0	8.200,0	6.310,0	36,5	87,6		
	T đó: + Doanh nghiệp	m3	67.700,0	164.850	51.559,0	68.200,0	16.000,0	16.500,0	3.700,0	17.000,0	15.000,0			41,4	100,7		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	m3	284.026,8	679.350	178.428,0	239.804	27.000	74.270	4.200	81.824	38.000	8.200	6.310	35,3	84,4		
	(Trong đó SL khai thác cây phân tán)																
b	Tre, nứa	tấn	10.762,0	22.100	16.781,0	18.160		4.500	4.100		4.000		5.560	82	169		